

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG KT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN VÀ KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG KT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KT ENVIROMENTAL TECHNICAL AND CONSULTING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY CP TV & KT MÔI TRƯỜNG KT

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110856234

**3. Ngày thành lập:** 08/10/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà CT10 - TT18, Khu đô thị Văn Quán, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989650646

Fax:

Email: [dangkykinhdoanhxr@gmail.com](mailto:dangkykinhdoanhxr@gmail.com) Website:  
m

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                      | Mã ngành    |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                                                              | 3600        |
| 2.  | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                                                  | 3700(Chính) |
| 3.  | Thu gom rác thải không độc hại<br>Loại trừ: Không hoạt động tại trụ sở                                                                                                                                                                                                         | 3811        |
| 4.  | Thu gom rác thải độc hại<br>Loại trừ: Không hoạt động tại trụ sở                                                                                                                                                                                                               | 3812        |
| 5.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại<br>Loại trừ: Không hoạt động tại trụ sở                                                                                                                                                                                               | 3821        |
| 6.  | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại<br>Loại trừ: Không hoạt động tại trụ sở                                                                                                                                                                                                     | 3822        |
| 7.  | Tái chế phế liệu                                                                                                                                                                                                                                                               | 3830        |
| 8.  | Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác<br>Loại trừ: Không hoạt động tại trụ sở                                                                                                                                                                                      | 3900        |
| 9.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                            | 4222        |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                          | 4322        |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                 | 4330        |
| 12. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng hệ thống xử lý môi trường                                                                                                                                                                                            | 4390        |
| 13. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Loại trừ đấu giá hàng hoá                                                                                                                                                                                                      | 4610        |
| 14. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                           | 4752        |
| 15. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động tư vấn về môi trường<br>- Dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, giấy phép môi trường. | 7490        |
| 16. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác                                                                                                                                                                   | 7110        |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 800.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                   | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                 | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CÔNG TY<br>TNHH CÔNG<br>NGHỆ XỬ LÝ<br>NƯỚC TA | Số 53 Nguyễn<br>Trãi, Phường<br>Khương Trung,<br>Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 160.000       | 1.600.000.000            | 20,000       | 0107409589                                                                                                             |            |
|     |                                               |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                               |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                               |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                               |                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                               |                                                                                                    | Tổng số                            | 160.000       | 1.600.000.000            | 20,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                               |                                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN THỊ<br>DUYÊN                           | Thôn 4, Xã Phúc<br>Hòa, Huyện Phúc<br>Thọ, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam                           | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 440.000       | 4.400.000.000            | 55,000       | 0401890010<br>73                                                                                                       |            |
|     |                                               |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                               |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                               |                                                                                                    | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                               |                                                                                                    | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                               |                                                                                                    | Tổng số                            | 440.000       | 4.400.000.000            | 55,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                               |                                                                                                    |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                        |                           |         |               |        |              |  |
|---|----------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|--------------|--|
| 3 | PHẠM TẤT THÀNH | Phố Yên Phúc, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 200.000 | 2.000.000.000 | 25,000 | 036088003486 |  |
|   |                |                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                |                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                |                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                |                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |              |  |
|   |                |                                                                        | Tổng số                   | 200.000 | 2.000.000.000 | 25,000 |              |  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|--------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                          |           |                                                                                                               |         |

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN QUỐC KHÁNH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/09/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001090012099

Ngày cấp: 29/05/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn 4, Xã Phúc Hòa, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn 4, Xã Phúc Hòa, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội